

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2018/HS-ST**
Ngày 12 tháng 7 năm 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Tuấn – Phó trưởng phòng giáo dục thị xã Phước Long.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – PGĐ – Trung tâm DS – KHHGD & TE thị xã Phước Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Dương Xuân Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thị xã Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2018/TLST - HS ngày 29 tháng 05 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 30/2018/QĐXXST – HS ngày 20 tháng 06 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình T1 (Tên gọi khác: “B”), sinh năm 1988; Nơi sinh: Bình Phước; Nơi cư trú: Khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: Nguyễn Đ B, sinh năm 1977; Mẹ: Trần Thị Thị M, sinh năm 1954; Tiền án: Có 02 tiền án, năm 2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 42 tháng tù giam về tội Cướp giật tài sản, năm 2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đến ngày 01/9/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2018 để điều tra cho đến nay.

2. Võ Hữu T2, sinh năm 1982; Nơi sinh: Bình Phước. Nơi cư trú: Khu phố G, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 8/12. Cha: Võ Văn H, sinh năm 1962; Mẹ: Trần Thị Kim V (đã chết); Tiền án: Có 01 tiền án, năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long (cũ) xử phạt 11 năm tù giam về tội Cướp tài sản, đến ngày 17/6/2016 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không; Bị cáo Võ Hữu T2 bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2018 để điều tra cho đến nay.

3. Đinh Trung H1, sinh năm 1987; Nơi sinh: Bình Phước; Nơi cư trú: Khu phố G, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Đinh Văn C,

sinh năm 1944; Mẹ: Nguyễn Thị C (đã chết); Tiền án - Tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 12/2007 có hành vi Cướp tài sản đến ngày 07/6/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 07 năm 06 tháng tù giam, đến ngày 15/8/2014 chấp hành xong hình phạt tù, tính đến ngày phạm tội lần này ngày 14/3/2018 thì bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo Đinh Trung H1 bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2018 để điều tra cho đến nay.

4. **Nguyễn Xuân H2**, sinh năm 1989; Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi cư trú: Khu phố I, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; Mẹ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1971; Hiện ở tại Khu phố I, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Vợ: Lê Thị Yến N, sinh năm 1995; Bị cáo có 02 người con sinh năm 2013 và 2014; Tiền án - Tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 3/2007 có hành vi cố ý gây thương tích đến ngày 24/3/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 tháng 22 ngày, đến ngày 16/12/2014 chấp hành xong hình phạt tù, tính đến ngày phạm tội lần này ngày 14/3/2018 thì bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo Nguyễn Xuân H2 bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2018 để điều tra cho đến nay.

5. **Trần Nguyên P** (Tên gọi khác: “Đ”), sinh năm 1999; Nơi sinh: Bình Phước; Nơi cư trú: Khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Trần Ngọc Đ, sinh năm 1963; Mẹ: Phạm Thị Bích P, sinh năm 1964; Cả hai hiện ở tại Khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Tiền án - Tiền sự: Không. Bị cáo Trần Nguyên P bị khởi tố bị can, áp dụng cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2018 để điều tra cho đến nay.

6. **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 03/10/2000; Nơi sinh: Quảng Nam; Nơi cư trú: Khu phố Z, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Nguyễn Văn P, sinh năm 1973; Mẹ: Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1974; Tiền án - Tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Văn Đ bị khởi tố bị can, áp dụng cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2018 để điều tra cho đến nay.

Người bị hại: Ông **Đinh Quốc P**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố G, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người bào chữa cho bị cáo Đ là ông Nguyễn Ghi K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng: Ông **Lê Vũ B**, sinh năm 1998. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố G, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Đại diện giám hộ của bị cáo Nguyễn Văn Đ là bà Nguyễn Thị Bích H (mẹ bị cáo Đ). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 13/3/2018, Đinh Trung H1, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Xuân H2, Trần Nguyên P, Nguyễn Văn Đ và Võ Hữu T2 (tất cả là bạn quen biết)

cùng ngồi uống rượu với nhau tại nhà của T2 ở khu phố G, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước; trong lúc đang ngồi uống rượu thì T2 rủ cả nhóm đi xuống vườn điều của gia đình T2 (cách 500m) để coi vườn điều đang vào mùa thu hoạch thì tất cả cùng đồng ý.

Sau đó tất cả cùng nhau đi bộ xuống vườn điều của gia đình T2, khi đi đến nơi giáp ranh với xưởng điều “TN” do Đinh Quốc P làm chủ, H1 nhìn thấy dưới đất có để nhiều bao tải và dây ny lon đồng thời nhìn vào trong sân của xưởng điều thấy có hạt điều đang phơi nên nảy sinh ý lấy trộm số hạt điều trên.

Thực hiện ý định này, H1 liền dùng tay tháo mỗi nôi của hàng rào lưới B40, tạo thành một lỗ rồi lấy bao chui vào trong sân lấy trộm hạt điều, lúc này T1, T2 và Đ nhìn thấy H1 nhặt bao tải chui vào trong sân xưởng điều “TN”, biết là H1 đi lấy trộm điều nên mỗi người cũng vào để thực hiện hành vi trộm hạt điều cùng với H1, riêng H2 và P biết H1, T2, Đ và T1 vào lấy trộm điều nên không ai bảo ai cùng đứng ngoài hàng rào để cảnh giới.

Đối với H1, T2, T1 và Đ vào trong sân, lần lượt bốc hạt điều bỏ vào bao tải, mỗi lần từ 7 đến 10kg rồi mang ra cho H2 và P dồn lại thành bao lớn, sau khi đã đầy, cả hai dùng dây nylon buộc lại, cứ như vậy cả nhóm lấy trộm được 06 bao hạt điều, trọng lượng 235,8kg thì không lấy nữa, sau đó mỗi người vác một bao hạt điều lấy trộm được đem ra để ở khu vực bãi đất trống (cách xưởng điều TN) khoảng 50m, lúc này H1, H2 và T1 đi bộ quay trở về nhà của T2 lấy xe máy để xuống chở bao điều đi cất giấu còn T2, P và Đ ở lại canh chừng, khoảng 10 phút sau anh Đinh Quốc P đi kiểm tra sân phơi điều phát hiện bị mất trộm nên đã đi tìm và phát hiện bắt quả tang đối với Võ Hữu T2 cùng 06 bao hạt điều giao công an phường S xử lý, riêng H1, H2, T1, P và Đ bỏ trốn.

Sau đó công an phường S đã chuyển hồ sơ cùng tang vật 235,8kg hạt điều đến Cơ quan CSĐT công an thị xã Phước Long để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long thì 235,8kg hạt điều có trị giá 11.082.600 đồng.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 Cơ quan CSĐT công an thị xã Phước Long đã xử lý vật chứng, trả lại cho Đinh Quốc P 235,8kg hạt điều, bị hại Đinh Quốc P không có yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập đến.

Tại bản cáo trạng số 29/Ctr - VKS ngày 29 tháng 05 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T1 về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố các bị cáo Võ Hữu T2, Trần Nguyên P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân H2, Đinh Trung H1 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng điểm g khoản 2 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T1 phạm tội trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T1 mức hình phạt từ 24 đến 28 tháng tù. Áp dụng khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 tuyên bố các bị cáo Võ Hữu T2, Trần Nguyên P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân H2, Đinh Trung H1 phạm tội trộm

cấp tài sản. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Võ Hữu T2 mức án từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đinh Trung H1 và Nguyễn Xuân H2 mỗi bị cáo mức án 03 tháng 20 ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam. Áp dụng điểm s, i khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Nguyên P mức án từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Áp dụng điểm s, i khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 91, 98, 100 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 06 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng vụ án: Đối với 06 bao tải ny lon màu đen, có sọc xám vàng ở giữa, kích thước 112 x 60cm; 06 đoạn sợi dây ny lon là công cụ các bị can sử dụng để lấy trộm tài sản của Đinh Quốc P, do không còn giá trị sử dụng nên đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ trình bày quan điểm bào chữa: Thống nhất quan điểm truy tố của vị đại diện viện kiểm sát và cũng có một số quan điểm sau:

Tại thời điểm phạm tội và xét xử bị cáo Nguyễn Văn Đ dưới 18 tuổi, không có tiền án tiền sự, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, từ giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện ra đầu thú, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị áp dụng cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Vì vậy, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, các điều 91, 98, 100 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với người chưa thành niên phạm tội xử bị cáo mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Phước Long, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Đình T1 bị cáo Võ Hữu T2, Trần Nguyên P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân H2, Đinh Trung H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố đối với bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 23 giờ ngày 13/3/2018, Đinh Trung H1, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Xuân H2, Trần Nguyên P, Nguyễn Văn Đ và Võ Hữu T2 (tất cả là bạn quen biết) cùng ngồi uống rượu với nhau tại nhà của T2 ở khu phố G, phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; trong lúc đang ngồi uống rượu thì T2 rủ cả nhóm đi xuống vườn điều của gia đình T2 (cách 500m) để coi vườn điều đang vào mùa thu hoạch thì tất cả cùng đồng ý.

Sau đó tất cả cùng nhau đi bộ xuống vườn điều của gia đình T2, khi đi đến nơi giáp ranh với xưởng điều “TN” do Đinh Quốc P làm chủ, H1 nhìn thấy dưới đất có đề nhiều bao tải và dây nylon đồng thời nhìn vào trong sân của xưởng điều thấy có hạt điều đang phơi nên nảy sinh ý lấy trộm số hạt điều trên.

Thực hiện ý định này, H1 liền dùng tay tháo mỗi nôi của hàng rào lưới B40, tạo thành một lỗ rồi lấy bao chui vào trong sân lấy trộm hạt điều, lúc này T1, T2 và Đ nhìn thấy H1 nhặt bao tải chui vào trong sân xưởng điều “TN”, biết là H1 đi lấy trộm điều nên mỗi người cũng vào để thực hiện hành vi trộm hạt điều cùng với H1, riêng H2 và P biết H1, T2, Đ và T1 vào lấy trộm điều nên không ai bảo ai cùng đứng ngoài hàng rào để canh giới.

Đối với H1, T2, T1 và Đ vào trong sân, lần lượt bốc hạt điều bỏ vào bao tải, mỗi lần từ 7 đến 10kg rồi mang ra cho H2 và P dồn lại thành bao lớn, sau khi đã đầy, cả hai dùng dây nylon buộc lại, cứ như vậy cả nhóm lấy trộm được 06 bao hạt điều, trọng lượng 235,8kg thì không lấy nữa, sau đó mỗi người vác một bao hạt điều lấy trộm được đem ra để ở khu vực bãi đất trống (cách xưởng điều TN) khoảng 50m, lúc này H1, H2 và T1 đi bộ quay trở về nhà của T2 lấy xe máy để xuống chở bao điều đi cất giấu còn T2, P và Đ ở lại canh chừng, khoảng 10 phút sau anh Đinh Quốc P đi kiểm tra sân phơi điều phát hiện bị mất trộm nên đã đi tìm và phát hiện bắt quả tang đối với Võ Hữu T2 cùng 06 bao hạt điều giao công an phường S xử lý, riêng H1, H2, T1, P và Đ bỏ trốn với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút lấy trộm hạt điều của xưởng điều “TN” do anh Đinh Quốc P quản lý của các bị cáo Đinh Trung H1, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Xuân H2, Trần Nguyên P, Nguyễn Văn Đ và Võ Hữu T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân, đến trật tự xã hội được Luật hình sự bảo vệ, các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật xử lý nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền để tiêu xài các bị cáo đã cố tình hành động phạm tội. Tài sản do các bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 11.082.600 đồng.

Vì vậy, Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Phước Long truy tố bị cáo Đinh Trung H1, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Xuân H2, Trần Nguyên P, Nguyễn Văn Đ và Võ Hữu T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình T1 do năm 2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 42 tháng tù giam về tội Cướp giật tài sản (chưa được xóa án tích), đến năm 2015 tiếp tục bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đến ngày 01/9/2017 chấp

hành xong hình phạt chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long truy tố bị cáo T1 theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng thực hành việc phạm tội, không có sự bàn bạc và phân công nhưng cũng cần phân tích vai trò và nhân thân của từng bị cáo để đưa ra một mức án phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Đình T1 đã hai lần bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm để dẫn dắt giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, bị cáo tự nguyện ra đầu thú quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Võ Hữu T2 vào năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long (cũ) xử phạt 11 năm tù giam về tội Cướp tài sản, đến ngày 17/6/2016 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần xử bị cáo mức án nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, bị cáo tự nguyện ra đầu thú, ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Đinh Trung H1 và Đỗ Xuân H2 là người thực hành trong vụ án. Bị cáo H1 vào tháng 12/2007 có hành vi Cướp tài sản đến ngày 07/6/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 07 năm 06 tháng tù giam, đến ngày 15/8/2014 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo H2 vào tháng 3/2007 có hành vi cố ý gây thương tích đến ngày 24/3/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 tháng 22 ngày, đến ngày 16/12/2014 chấp hành xong hình phạt tù, tuy cả hai bị cáo đã được xóa án tích nhưng thể hiện hai bị cáo là người có nhân thân xấu hình phạt đã xử không đủ răn đe giáo dục hai bị cáo vì vậy cần xử một hình tương xứng để giáo dục hai bị cáo.

Bị cáo H2 và bị cáo H1 có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, hai bị cáo tự nguyện ra đầu thú, gia đình hai bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và hiện đang nuôi hai con nhỏ, bị cáo H1 là con của ông Đinh Văn C là thương binh và là cháu nội của bà mẹ Việt Nam anh hùng Phạm Thị L đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cần xem xét khi lượng hình. Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Trần Nguyên P là người thực hành trong vụ án bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, Vì vậy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là người thực hành việc phạm tội nhưng do bị cáo khi thực hiện tội phạm và khi xét xử bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 91, 98 100 Bộ luật hình sự năm 2015 về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ dẫn đe giao dục bị cáo.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội là đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo tự nguyện ra đầu thú được quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo là người chưa thành niên, chưa có công việc ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về vật chứng vụ án:

Đối với 06 bao tải ny lon màu đen, có sọc xám vàng ở giữa, kích thước 112 x 60cm; 06 đoạn sợi dây ny lon là công cụ các bị cáo sử dụng để lấy trộm tài sản của Đinh Quốc P, do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đối với đề nghị áp dụng hình phạt bị cáo T1, bị cáo P, bị cáo Đ và bị cáo T2 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với đề nghị áp dụng hình phạt bị cáo H2 và bị cáo H1 03 tháng 20 ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam là không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận. Do bị cáo H1 và bị cáo H2 là người thực hành chính trong vụ án và có nhân thân xấu.

Về ý kiến trình bày của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự nguyện ra đầu thú được quy định tại điểm s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, các điều 91, 98, 100 của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án là 06 cải tạo không giam giữ của người bào chữa là chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo nên HĐXX không chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T1 (B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 các điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T1 (B) 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02/04/2018.

[2]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Đinh Trung H1, Nguyễn Xuân H2, Trần Nguyên P (Đen), Nguyễn Văn Đ và Võ Hữu T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, các điều 17, 58, 38, của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Hữu T2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/03/2018.

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, các điều 17, 58, 38, của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đinh Trung H1 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/03/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H2 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02/04/2018.

- Áp dụng điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, các điều 17, 58, 38, của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Nguyên P (Đ) 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Trần Nguyên P về Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, các điều 17, 58, 91, 98, 100 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ về Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước quản lý giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[3]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 06 bao tải nylon màu đen, có sọc xám vàng ở giữa, kích thước 112 x 60cm; 06 đoạn sợi dây nylon.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm 1 mục I danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh Bình Phước;
- VKSND Tỉnh Bình Phước
- CA thị xã Phước Long;
- VKS thị xã Phước Long
- THA thị xã Phước Long;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- THAHS thị xã Phước Long;
- HSVA Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

LÊ THỊ BÌNH